

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ VÀ KỸ THUẬT THANH LONG**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ VÀ KỸ THUẬT THANH LONG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: THANH LONG SERVICE AND TECHNOLOGY COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: THANH LONG CO.,LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 1301116634

**3. Ngày thành lập:** 18/05/2022

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 526F, Lộ Vành Đai, Khu phố 4, Phường Phú Tân, Thành phố Bến Tre, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam

Điện thoại: 0919240170

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                              | Mã ngành                                                     |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                  | 4322                                                         |
| 2.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                                                         | 4329                                                         |
| 3.  | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                                                    | 4390                                                         |
| 4.  | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                     | 4652                                                         |
| 5.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                                                                        | 4659                                                         |
| 6.  | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>(Trừ bán buôn vàng)                                                                                                                                             | 4662                                                         |
| 7.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                                | 4663                                                         |
| 8.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>(Trừ LPG và Dầu nhớt cặn)                                                                                                                         | 4669                                                         |
| 9.  | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan                                                                                                                                                    | 7110                                                         |
| 10. | Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên                                                                                                                           | 7211                                                         |
| 11. | Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ                                                                                                              | 7212                                                         |
| 12. | Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp                                                                                                                        | 7214                                                         |
| 13. | Sửa chữa thiết bị điện                                                                                                                                                                                 | 3314                                                         |
| 14. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                                                                                                | 3320                                                         |
| 15. | Khai thác, xử lý và cung cấp nước                                                                                                                                                                      | 3600                                                         |
| 16. | Thoát nước và xử lý nước thải                                                                                                                                                                          | 3700                                                         |
| 17. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                                                                    | 4222(Chính)                                                  |
| 18. | Xây dựng công trình công ích khác                                                                                                                                                                      | 4229                                                         |
| 19. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                      | 4312                                                         |
| 20. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                  | 4321                                                         |
| 21. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                   | 4752                                                         |
| 22. | Ghi chú: Doanh nghiệp phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, bảo vệ môi trường, phòng cháy chữa cháy và điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện. | Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam |

**6. Vốn điều lệ:** 300.000.000 VNĐ

## 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: \_\_\_\_\_ Giới tính: \_\_\_\_\_  
Sinh ngày: \_\_\_\_\_ Dân tộc: \_\_\_\_\_ Quốc tịch: \_\_\_\_\_  
Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: \_\_\_\_\_  
Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: \_\_\_\_\_  
Ngày cấp: \_\_\_\_\_ Nơi cấp: \_\_\_\_\_  
Địa chỉ thường trú: \_\_\_\_\_  
Địa chỉ liên lạc: \_\_\_\_\_

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: HUỖNH CHÂU TIẾN THỊNH Giới tính: Nam  
Chức danh: Giám đốc  
Sinh ngày: 28/07/1988 Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam  
Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân  
Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 083088016467  
Ngày cấp: 09/08/2021 Nơi cấp: Cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội  
Địa chỉ thường trú: Số 009/NQ, Ấp Nhơn Quới, Xã Mỹ Nhơn, Huyện Ba Tri, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam  
Địa chỉ liên lạc: Số 526F, Lộ Vành Đai, Khu phố 4, Phường Phú Tân, Thành phố Bến Tre, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bến Tre